

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2880**/LĐTBXH-TCDN  
V/v báo cáo kết quả thi điểm đặt hàng  
dạy nghề giai đoạn 2010-2015

Hà Nội, ngày **22** tháng **7** năm 2015

Kính gửi:

- Các Bộ, ngành Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”, thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức thi điểm đặt hàng dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo tình hình thi điểm đặt hàng dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng giai đoạn 2010-2015, trong đó tập trung đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất cơ chế, chính sách đặt hàng dạy nghề trong thời gian tới theo đề cương đính kèm (*Đề cương và biểu mẫu báo cáo được đăng tải trên website Tổng cục Dạy nghề, địa chỉ: <http://tcdn.gov.vn>*).

Báo cáo của Quý cơ quan gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Dạy nghề, 37B Nguyễn Bình Khiêm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại 04.39745197, email: [khtc.tcdn@gmail.com](mailto:khtc.tcdn@gmail.com)) *trước ngày 31/7/2015* để tổng hợp.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Huỳnh Văn Tí**

**MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THÍ ĐIỂM ĐẶT HÀNG DẠY NGHỀ  
GIAI ĐOẠN 2010-2015**

*(Kèm theo Công văn số 2880/LĐT BXH-TCDN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**Bộ, ngành/Địa phương:** .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

V/v báo cáo kết quả thí điểm đặt hàng  
dạy nghề giai đoạn 2010-2015

....., ngày tháng năm 2015

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THÍ ĐIỂM ĐẶT HÀNG DẠY NGHỀ  
GIAI ĐOẠN 2010-2015**

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ, ngành/Địa phương.... báo cáo kết quả đặt hàng trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng giai đoạn 2010-2015 như sau:

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

*(Nêu các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phê duyệt quy hoạch nhân lực, nhu cầu sử dụng nhân lực, về kế hoạch đặt hàng dạy nghề...)*

- Quyết định phê duyệt quy hoạch/đề án phát triển nguồn nhân lực của Bộ, ngành, địa phương (Nêu rõ tên, ngày tháng, trích yếu Quyết định - nếu có).

- Quyết định phê duyệt kế hoạch đặt hàng dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hàng năm hoặc giai đoạn (Nêu rõ tên, ngày tháng, trích yếu Quyết định - nếu có).

- Quyết định giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện đặt hàng dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng cho các cơ sở dạy nghề (Nêu rõ tên, ngày tháng, trích yếu Quyết định - nếu có).

- Quyết định Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt đơn giá đặt hàng (Gửi kèm theo các Quyết định phê duyệt đơn giá đặt hàng).

.....

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG DẠY NGHỀ

*(Tổng hợp kết quả đặt hàng dạy nghề giai đoạn 2010-2015, trong đó tập trung đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm)*

### 1. Tổng hợp kết quả đặt hàng dạy nghề giai đoạn 2010-2015

- Số nghề đặt hàng (thống kê tất cả các nghề được đặt hàng theo các trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng).
- Đơn giá đặt hàng (đối với trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề), chi phí đào tạo (đối với trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng); cơ sở xác định đơn giá đặt hàng dạy nghề/chi phí đào tạo.
- Số người được đào tạo theo phương thức đặt hàng: Tổng hợp số học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp theo các cấp trình độ.
- Số người được bố trí việc làm: Tổng hợp số học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp và được bố trí việc làm theo các cấp trình độ.
- Kinh phí đặt hàng: Tổng hợp số kinh phí thực hiện đặt hàng dạy nghề theo 3 nguồn (NSTW, NSDP, nguồn khác).
- Số cơ sở dạy nghề thực hiện đặt hàng: Tổng hợp số cơ sở dạy nghề đã thực hiện đặt hàng giai đoạn 2010-2015, chia theo 2 hình thức: công lập và ngoài công lập.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01)

### 2. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện

- Đánh giá việc tổ chức tuyển sinh: Tuyển sinh trực tiếp hay thông qua doanh nghiệp, thuận lợi, khó khăn.
- Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong việc tuyển sinh đúng đối tượng được ưu tiên đặt hàng dạy nghề (Lao động là thuộc hộ người có công với cách mạng; Lao động là người dân tộc thiểu số; Lao động là người khuyết tật; Lao động thuộc hộ nghèo; Lao động thuộc các hộ bị thu hồi đất canh tác...)
- Đánh giá việc tổ chức lớp học (việc mở lớp, tỷ lệ giảng viên, giáo viên/học sinh; học liệu, thiết bị thực hành, số học viên bỏ học, thôi học...);
- Đánh giá về chương trình đào tạo;
- Đánh giá việc tổ chức thi tốt nghiệp, kết quả tốt nghiệp;
- Đánh giá vai trò của doanh nghiệp: hình thức tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo, phương thức hỗ trợ và tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên được thực tập tại doanh nghiệp, việc tiếp nhận học sinh, sinh viên vào làm việc thông qua ký cam kết hoặc thỏa ước, thu nhập của người học sau tốt nghiệp...

- Tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận lao động sau đào tạo.

### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

*(Chú ý đề xuất cơ chế, chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo đối với các cơ sở dạy nghề cung ứng một số ngành nghề trọng điểm, nghề đáp ứng nhu cầu cho các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước; nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, khó tuyển sinh mà nhu cầu sản xuất đang cần tuyển dụng; nghề mà thị trường lao động thiếu nhưng do chi phí đào tạo cao nên các trường dạy nghề không muốn đào tạo; ưu tiên đối tượng là người có công với cách mạng, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, hộ nghèo; người bị thu hồi đất canh tác).*

**1. Về công tác tuyển sinh**

**2. Về công tác đào tạo**

**3. Về đối tượng đào tạo**

**4. Về nghề đào tạo** (Đề xuất bổ sung danh mục nghề nặng nhọc; độc hại; nguy hiểm; khó tuyển sinh mà xã hội có nhu cầu; nghề mà thị trường lao động thiếu nhưng do chi phí đào tạo cao nên các cơ sở dạy nghề không muốn đào tạo).

**5. Về cơ chế, chính sách**

**6. Về cách xác định đơn giá đặt hàng**

**7. Về giải quyết việc làm sau đào tạo**

**8. Về vai trò của doanh nghiệp trong dạy nghề**

....

